THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1226/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 phải bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch của Vùng đồng bằng sông Hồng và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy nội lực, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến nhằm tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; phát triển nông nghiệp gắn với ứng dụng khoa học công nghệ theo hướng hàng hóa và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển.

4. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Hà Nam đến năm 2020 có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững, trong đó chú trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 phấn đấu vượt mức trung bình của Vùng đồng bằng sông Hồng; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thời kỳ phát triển tiếp theo; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 14,2%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,5%/năm và đạt 15% giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh vào năm 2015 là 54,8%, 32%, 13,2% và đến năm 2020 là 58,6%, 33,2%, 8,2%;

- Phấn đấu tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng bình quân 23%/năm giai đoạn 2011 - 2020, trong đó tăng 15% giai đoạn 2011 - 2015 và 32% giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 11 - 12% GDP vào năm 2020.

b) Về phát triển xã hội

- Tiếp tục duy trì vững chắc kết quả thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học đạt tiêu chuẩn quốc gia; 100% trường học được kiên cố hóa vào năm 2020;

- Phấn đấu đạt trên 9 bác sỹ/1 vạn dân, ít nhất 25 giường bệnh/1 vạn dân vào năm 2015; giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị xuống dưới 5% vào cuối thời kỳ quy hoạch, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 60% vào năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3% theo quy định chuẩn nghèo; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 15% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2020 đạt 60%.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo tỷ lệ che phủ của rừng 7% vào năm 2020 nhằm bảo vệ tốt môi trường sinh thái, bảo vệ đất đai, điều hòa nguồn nước và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế cũng như giảm nghèo;

- Giải quyết tốt vệ sinh môi trường đô thị, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường các khu công nghiệp, khu du lịch trên cơ sở giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển công nghiệp, dịch vụ và bảo vệ tài nguyên môi trường.

d) Về quốc phòng - an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng nền quốc

phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân, đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng chung: Tập trung chuyển đổi cơ cấu và phân bổ lao động từ khu vực nông nghiệp, năng suất thấp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ theo hướng đẩy mạnh phát triển những ngành mà Tỉnh có tiềm năng, lợi thế; phát triển dịch vụ, thương mại chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng, trong đó chú trọng phát triển giao thông, xây dựng mới các khu đô thị và các vùng kinh tế trọng điểm, có công nghiệp và du lịch phát triển năng động, trước mắt tập trung hơn cho các vùng có lợi thế về vị trí địa lý, giao thông.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - xây dựng, đảm bảo an ninh lương thực theo quy định và ưu tiên sử dụng các loại đất tốt, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng đất, trong đó duy trì diện tích đất trồng lúa ở mức 26.000 ha.

2. Về phát triển công nghiệp - xây dựng

- Phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao, đặc biệt là tạo sự chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Đẩy mạnh đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sử dụng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp chế biến nhất là bia, nước giải khát, sữa, thực phẩm; gia tăng mạnh công nghiệp gia công, lắp ráp cơ khí, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng, sản suất hàng phụ trợ và các ngành sản xuất khác theo hướng hiện đại, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

Phấn đấu đến năm 2020, các khu công nghiệp đi vào hoạt động ổn định, đóng vai trò là đầu tầu thúc đẩy nền kinh tế phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp khoảng 70% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, giá trị xuất khẩu đạt 90%, đóng góp ngân sách khoảng 50%, giải quyết việc làm khoảng 80 nghìn lao động trong đó lao động địa phương chiếm 70%.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 đạt 17,2%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17,5%; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 17,0%. Trong cơ cấu kinh tế đến năm 2015 ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 54,8%, năm 2020 đạt 58,7%; thu hút thêm khoảng 80 nghìn lao động trong giai đoạn 2011 - 2020.

- Về phát triển ngành vật liệu xây dựng:

+ Công nghiệp xi măng: Ưu tiên đầu tư mở rộng và đầu tư mới các nhà máy xi măng lò quay trên địa bàn huyện Kim Bảng và huyện Thanh Liêm. Không xây dựng mới và phát triển xi măng lò đứng. Đến 2010 đạt công suất 5 - 5,5 triệu tấn, sản lượng đạt 4 triệu tấn/năm; 2015 đạt công suất 15,5 triệu tấn và duy trì ổn định đến

2020. Sau năm 2015, ngành xi măng tập trung vào đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả, năng suất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và không khuyến khích phát triển thêm.

+ Đá xây dựng: Giai đoạn 2011 - 2020 chủ yếu tập trung vào việc đầu tư chiều sâu cho các cơ sở sản xuất lớn có công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm, tổ chức quản lý lại các cơ sở sản xuất nhỏ, khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ sở này có thể liên doanh liên kết thành cơ sở lớn có tiềm lực kinh tế để thay đổi công nghệ, thiết bị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Về công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi: Ổn định các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện có đảm bảo công suất thiết kế. Ưu tiên phát triển công nghiệp thực phẩm, khuyến khích phát triển các nhà máy bia công suất lớn, trang thiết bị, công nghệ hiện đại; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các nhà máy sữa, phụ phẩm từ sữa.

- Về công nghiệp chế tạo máy và gia công kim loại: Khuyến khích các ngành gia công chế tạo các chi tiết, phụ tùng thay thế cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giao thông, nông nghiệp, lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử tin học. Gia công kết cấu thép phục vụ cho việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nhà xưởng tại địa phương và các tỉnh lân cận.

Sản xuất các sản phẩm công nghiệp truyền thống với chất lượng mẫu mã, quy cách ngày càng tốt hơn, phong phú hơn đặc biệt là các công cụ phục vụ nông nghiệp; khuyến khích đầu tư các cơ sở cơ khí có thị trường tiêu thụ với quy mô lớn, công nghệ, thiết bị hiện đại, sản xuất bán tự động hoặc tự động hóa.

- Về công nghiệp dệt may, da giày: Tiếp tục giữ ổn định công suất các cơ sở dệt may, da giày hiện có; tập trung đầu tư chiều sâu để nâng cao sản lượng, chất lượng; tăng sức cạnh tranh. Giai đoạn 2011 - 2020 sẽ không đầu tư mở rộng hoặc khuyến khích thành lập các cơ sở dệt may mới.

- Về công nghiệp hóa chất: Tập trung sản xuất các sản phẩm như bột nhẹ, nước tẩy rửa, phân bón và sơn công nghiệp.

- Công nghiệp điện tử tin học: Khuyến khích đầu tư và có cơ chế ưu đãi phù hợp với các ngành sử dụng công nghệ cao, có giá trị kinh tế lớn, hàm lượng chất xám trong sản phẩm lớn như công nghệ thông tin, chế tạo máy, điện tử, phần mềm… để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu công nghiệp của Tỉnh.

- Sản xuất nước sạch: Huy động các nguồn vốn hợp pháp và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư để nâng công suất các nhà máy nước tại thành phố Phủ Lý và nghiên cứu xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch tập trung tại các khu vực nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy nước sạch trên địa bàn Tỉnh đạt 240 - 250 nghìn m^3/ngày đêm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 100% dân số trong Tỉnh.

- Sản xuất giấy: Tiếp tục giữ nguyên công suất sản lượng giấy của các nhà máy giấy hiện đang hoạt động, đáp ứng nhu cầu thị trường ở mức hợp lý.

3. Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 2,6%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 2,5% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3,0%. Phấn đấu đến năm 2020 ngành nông nghiệp đạt giá trị khoảng 6.200 tỷ đồng. Tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm dần xuống khoảng 8,2% vào năm 2020 trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh; giảm tỷ lệ thiếu việc làm thường xuyên xuống còn 6 - 8% và tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp đạt khoảng 28 triệu đồng/người vào năm 2020, trong đó:

+ Về trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân khoảng 2,5% giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 2% giai đoạn 2016 - 2020. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng mạnh chăn nuôi, dịch vụ, mở rộng diện tích cây vụ đông hàng hoá. Hướng mạnh tới xuất khẩu trên cơ sở thâm canh vùng nguyên liệu và đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, phấn đấu đến năm 2020 xây dựng 65 khu chăn nuôi gia súc, gia cầm để nuôi được 70% số đầu lợn và 90% số đầu gia cầm trong tổng đàn.

Tập trung phát triển lúa, ngô, đỗ, rau sạch, khoai tây... trên cơ sở phát triển vùng nguyên liệu thâm canh và công nghệ chế biến tiên tiến. Phát triển mạnh các dịch vụ như giống, thú y, bảo vệ thực vật, tài chính, cung cấp điện, thủy lợi và dịch vụ khác có liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, trong đó chú trọng công tác chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất giống lúa, giống cây trồng vật nuôi, kỹ thuật canh tác và nuôi trồng.

+ Về lâm nghiệp: Nâng cao giá trị đóng góp kinh tế của ngành lâm nghiệp và thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế lâm nghiệp, cân đối giữa trồng rừng, khai thác chế biến và dịch vụ lâm nghiệp; xây dựng lâm phận ba loại rừng với cơ cấu hợp lý, giữ tỷ lệ che phủ của rừng khoảng 7% vào năm 2020, diện tích khoảng 6.000 ha, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ đất đai, nguồn nước.

+ Về thủy sản: Phát triển thủy sản toàn diện, phấn đấu giá trị sản xuất tăng bình quân khoảng 6,2% trong giai đoạn 2011 - 2020. Coi thủy sản là ngành kinh tế quan trọng và còn nhiều tiềm năng để phát triển sản xuất, đặc biệt là vùng trũng, không thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp.

+ Về xây dựng và phát triển nông thôn: Phấn đấu đến năm 2020 có 50% số xã trong Tỉnh đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; nâng thu nhập của người dân lên gấp 2,2 - 2,5 lần so với hiện nay; ngăn chặn và xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm nghiêm trọng về môi trường.

Xây dựng tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thiết yếu ở nông thôn, chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

4. Về phát triển dịch vụ

Phát triển nhanh các ngành dịch vụ để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng vào cuối kỳ quy hoạch. Phấn đấu tăng trưởng các ngành dịch vụ đạt 12,5%/năm giai đoạn 2011 - 2020, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 11%/năm và 14%/năm giai đoạn 2016 - 2020; tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng gần 13% giai đoạn 2011 - 2020. Mục tiêu xuất khẩu hàng hóa đến năm 2015 đạt trên 270 triệu USD và đến năm 2020 đạt trên 1.200 triệu USD.

Tập trung đầu tư hình thành các điểm du lịch trọng tâm; xây dựng Khu du lịch Tam Chúc Ba Sao, trong đó khu vui chơi giải trí Ba Sao thành khu du lịch cấp vùng. Các điểm du lịch: Ngũ Động Sơn, khu Bến Thủy và khu Kẽm Trống; các điểm văn hoá, lịch sử, lễ hội: Long Đọi Sơn, đền Lảnh Giang, đền Trần Thương, chùa Bà Đanh; các loại hình du lịch phi vật thể như Vật võ Liễu Đôi, dân ca Hà Nam...

5. Về phát triển các lĩnh vực xã hội

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực tăng về số lượng và bảo đảm chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và thị trường lao động trong nước, nước ngoài. Tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động, giải quyết việc làm mới cho 75.000 người (bình quân 15.000 người/năm) giai đoạn 2011 - 2015 và giải quyết việc làm thêm cho 111.000 người (bình quân mỗi năm 22.200 người); giải quyết việc làm mới cho 70.000 người (bình quân 14.000 người/năm) giai đoạn 2016 - 2020 và giải quyết việc làm thêm cho 80.000 người (bình quân mỗi năm 16.000 người); lao động qua đào tạo đạt 250.000 người giai đoạn 2011 - 2015 và 350.000 người giai đoạn 2016 - 2020; giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị xuống dưới 5%.

- Tiếp tục duy trì mức giảm sinh, trung bình hàng năm giảm sinh 0,2%, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 0,3%, duy trì mức sinh thay thế tiến tới ổn định quy mô, cơ cấu dân số và phân bổ dân cư phù hợp với tình hình phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

- Về giáo dục và đào tạo: Ổn định và duy trì chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục trung học; 100% các trường học được xây dựng kiên cố vào năm 2020. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020, trong đó các trường mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt 80%, trường tiểu học đạt 100%.

Giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề đến 2020 đạt 60% người lao động được qua đào tạo; hoàn thành chỉ tiêu phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Xây dựng khu đô thị đại học ở khu vực phía Bắc thành phố Phủ Lý, thu hút các trường đại học, cao đẳng dạy nghề về đầu tư. Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất thêm hai trường đại học được thành lập mới.

- Về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số: Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết do bệnh tật, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ người dân, cải thiện chất

lượng dân số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển của Tỉnh.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế để theo kịp các tiến bộ khoa học kỹ thuật; khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ trên đại học. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng cường trang thiết bị cho hệ thống y tế trong toàn tỉnh. Hoàn thiện củng cố mạng lưới y tế cơ sở, duy trì chất lượng hoạt động và xây dựng mới các xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Xây dựng mới các cơ sở khám chữa bệnh: Trung tâm y tế chất lượng cao quy mô vùng và các bệnh viện bằng nguồn vốn xã hội hóa.

- Về lĩnh vực văn hóa: Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện một số thiết chế văn hóa cấp tỉnh, huyện và cơ sở.

Đến 2020 có 90% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% xã phường có nhà văn hóa, đội văn nghệ, khu vui chơi giải trí. Xây dựng và hoàn thiện một số thiết chế văn hóa cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Bảo tồn, tôn tạo các di tích quốc gia và tỉnh; xếp hạng bảo tàng tỉnh vào loại III; xây dựng hệ thống thư viện hiện đại, đáp ứng đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân. Xây dựng nhà văn hóa thôn, xóm và đặc biệt là đổi mới nội dung hoạt động gắn liền với phong tục, tập quán cũng như phát triển sản xuất của nhân dân. Nâng cấp và mở rộng hệ thống phát thanh truyền hình đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân.

- Về thể dục thể thao: Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao để người dân tham gia các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên. Bồi dưỡng đội ngũ vận động viên nhất là thể thao thành tích cao trong các môn mũi nhọn, đặc biệt là bóng đá nữ. Đến 2020 thành tích thi đấu đạt huy chương hàng năm tăng từ 10 - 15%, cung cấp từ 15 - 20 vận động viên cho đội tuyển quốc gia. Xây dựng trung tâm thể thao cấp vùng, bao gồm các nhà thi đấu, sân bãi tập, nhà ở vận động viên...

- Thực hiện giảm nghèo nhanh, bền vững; bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2 - 3% theo chuẩn mới; thông qua các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội các cấp, các ngành có biện pháp cụ thể trong thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, nhằm giảm mức chênh lệch giàu nghèo trong dân cư.

6. Quốc phòng - an ninh: Xây dựng, củng cố quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm ổn định để phát triển.

7. Về phát triển kết cấu hạ tầng

- Về phát triển hệ thống giao thông: Tiếp tục củng cố nâng cấp các tuyến giao thông đã có, kết hợp với việc xây dựng mới một số tuyến đường liên tỉnh, đường tỉnh, đường đô thị, trong đó:

+ Đối với các đường quốc lộ: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hoàn thành xây dựng tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, nâng cấp tuyến quốc lộ 1A, 21A, 21B, 38 đoạn đi qua tỉnh Hà Nam; xây dựng tuyến đường và cầu vượt sông Hồng nối đường cao tốc Bắc Nam với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (điểm đầu

Hà Nam - điểm cuối Hưng Yên); xây dựng đường 499 và cầu vượt sông Hồng nối đường cao tốc Bắc Nam với quốc lộ 39 thuộc địa phận Thái Bình; nâng cấp tuyến đường nối ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình thành quốc lộ.

+ Về các tuyến đường tỉnh: Nhựa hóa, bê tông hóa 100% mặt đường; nâng cấp toàn bộ chiều dài đường tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, các cầu trên tuyến phù hợp với cấp đường; nâng cấp các tuyến đường trong khu đô thị cũ, hoàn thành đường nội thị các khu đô thị mới theo quy hoạch; xây dựng một số tuyến trục chính đô thị: đại lộ Đồng Văn - Phủ Lý và cầu vượt sông Châu.

+ Về đường giao thông nông thôn: Đến năm 2015, nhựa hóa hoặc bê tông hóa toàn bộ đường liên xã, đường xã đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A hoặc loại B.

+ Giao thông đường thủy: Nâng cấp, cải tạo nạo vét luồng các tuyến sông, hệ thống cảng và kho bãi đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển vật tư nguyên liệu cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Khai thông tuyến sông Châu nối với sông Hồng, cải tạo các tuyến để tàu 50 - 200 tấn hoạt động.

+ Hoàn chỉnh nâng cấp tuyến đường sắt Bắc Nam đến năm 2020, ga Phủ Lý sẽ được xây dựng trở thành ga trung chuyển hàng hóa lớn ở miền Bắc nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng đường sắt Bắc Nam thành đường sắt đôi theo quy hoạch chung của ngành đường sắt.

- Về cấp điện, cấp nước:

+ Hệ thống điện cao thế: Vận hành trạm biến áp 220 kV Kim Bảng ổn định; lưới điện 110 kV, xây mới trạm biến áp Đồng Văn II, Thanh Nghị, Cầu Giát và vận hành tốt các trạm biến áp hiện có.

+ Hệ thống điện trung thế: Đối với các khu đô thị mới, các khu công nghiệp và thành phố Phủ Lý, được thiết kế mạch vòng vận hành hở.

+ Hệ thống cấp nước: Nâng công suất các nhà máy nước tại thành phố Phủ Lý và nghiên cứu xây dựng nhà máy nước tại các huyện, đến năm 2020 tổng công suất thiết kế các nhà máy nước đạt khoảng 250.000 m^3/ngày đêm.

- Thông tin truyền thông: Xây dựng mới tổng đài và trạm phát sóng thông tin di động, giai đoạn 2011 - 2015: 25 tổng đài, 150 trạm phát sóng; giai đoạn 2016 - 2020: 20 tổng đài, 100 trạm phát sóng. Các thiết bị tổng đài thay thế bằng các nút chuyển mạch, hệ thống truyền dẫn bằng cáp quang.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Tiểu vùng phía Tây Bắc (gồm các huyện: Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm) tập trung phát triển công nghiệp, khu công nghiệp tập trung để tận dụng các lợi thế về địa hình, vị trí địa lý và hệ thống giao thông...

2. Tiểu vùng phía Đông Nam (gồm các huyện: Bình Lục, Lý Nhân) tập trung phát triển nông nghiệp, các ngành công nghiệp nhẹ...

3. Tiểu vùng trung tâm thành phố Phủ Lý là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của Tỉnh, tập trung đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ như hệ thống ngân hàng, khách sạn, bưu chính viễn thông...

4. Định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn đến năm 2020, trong đó:

- Thành phố Phủ Lý: Mở rộng quy mô để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tỉnh. Mục tiêu đến năm 2020 trở thành đô thị loại II là thành phố trực thuộc tỉnh. Hướng phát triển chính là hướng Đông Bắc, Bắc Châu Giang (tăng quy mô diện tích khoảng 1.000 ha) và hình thành trung tâm chính trị, hành chính mới của Tỉnh.

- Huyện Duy Tiên: Phát triển chuỗi đô thị công nghiệp - dịch vụ Đồng Văn - Hòa Mạc - Yên Lệnh, từ 2015 - 2020 thành lập thị xã Duy Hà với quy mô khoảng 100.000 dân và thị trấn Đọi Sơn là trung tâm chính trị - văn hóa - xã hội của huyện Duy Tiên.

- Huyện Kim Bảng: Xác định là trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng. Hình thành hai thị trấn mới là Nhật Tân và Tượng Lĩnh, mở rộng thị trấn Quế, Ba Sao.

- Huyện Thanh Liêm: Mở rộng thị trấn Non, Kiện Khê. Hình thành hai thị trấn mới là thị trấn trung tâm huyện lỵ và Phố Cà. Đây là trung tâm dịch vụ công nghiệp và vật liệu xây dựng.

- Huyện Lý Nhân: Hình thành ba thị trấn mới là Nhân Hậu, Nhân Mỹ và Cầu Không. Mở rộng thị trấn Vĩnh Trụ. Đây là trung tâm sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh.

- Huyện Bình Lục: Hình thành bốn thị trấn mới là: Chợ Sông, Ba Hàng, Đô Hai, An Nội. Mở rộng thị trấn Bình Mỹ. Mục tiêu là trung tâm thương mại, phát triển nông nghiệp của Tỉnh.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chương trình phát triển đô thị.

3. Chương trình phát triển nguồn nhân lực.

4. Chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp.

5. Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

6. Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch.

7. Chương trình phát triển giao thông vận tải.

8. Chương trình hợp tác phát triển kinh tế trong vùng đồng bằng sông Hồng.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 270.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 là trên 70.000 tỷ đồng, đoạn 2016 - 2020 là trên 200.000 tỷ đồng.

Ngoài nguồn đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, Tỉnh cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút tốt các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào Tỉnh, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA.

- Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nhất là cải cách thủ tục đầu tư; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,... để huy động vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực này.

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP,... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

2. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tăng cường năng lực đào tạo cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tập trung đầu tư cho trường cao đẳng nghề, các trường trung cấp nghề về trang thiết bị, cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong và ngoài doanh nghiệp; tập trung vào các ngành nghề có nhu cầu lớn như: điện, điện tử, cơ khí, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng… gắn chặt với nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; có cơ chế sử dụng, chăm lo đời sống để từng bước nâng cao hiệu quả lao động.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Có biện pháp gắn phát triển khoa học và công nghệ với sản xuất; tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nghiên cứu có cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước.

4. Giải pháp về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các chương trình về bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường; khai thác một cách hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản.

- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường kết hợp với công tác kế hoạch hóa và cân đối các nguồn lực, tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Có biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhất là khu vực đô thị và khu sản xuất công nghiệp tập trung.

5. Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý Nhà nước

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi, đi lại cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân. Đồng thời đẩy mạnh việc đưa tin học vào quản lý hành chính song song với cải cách thủ tục hành chính nhất là các lĩnh vực: thẩm định dự án đầu tư, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất, đăng ký hộ khẩu, công chứng…

6. Về xúc tiến thương mại, hợp tác phát triển

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại - đầu tư; đẩy mạnh việc hợp tác, liên kết phát triển với thành phố Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và các địa phương trong cả nước; ưu tiên hợp tác thu hút những lĩnh vực có trình độ, công nghệ cao mà Tỉnh có nhu cầu.

7. Về quốc phòng - an ninh

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo hướng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân để bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh ngay sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để từng bước thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ vào Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh để bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút đầu tư, huy động tốt các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành Trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với tỉnh Hà Nam để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2011 - 2020 CỦA TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án
A	**CÁC DỰ ÁN DO CÁC BỘ, NGÀNH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1A, quốc lộ 21A (Phủ Lý - Nam Định), đường nối 2 cao tốc quốc lộ 1A; quốc lộ 5 và cầu Hưng Hà vượt sông Hồng.
2	Dự án cải tạo, nâng cấp các quốc lộ: 21B (Chợ Dầu - Nút giao Phú Thứ - Đọi Sơn); quốc lộ 38; đường nối 3 tỉnh Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình (từ cầu Yên Lệnh - quốc lộ 38 TP Nam Định đến ngã 3 Anh Trỗi - Nho Quan Ninh Bình), quốc lộ 21A mới (đoạn Phủ Lý - Ba Sao).
3	Quốc lộ 21B kéo dài (từ nút giao Phú Thứ đến đường nối 02 cao tốc: Cầu Giẽ - Ninh Bình và Hà Nội - Hải Phòng).
4	Khu trung tâm thể dục thể thao cấp vùng.
5	Dự án chống ngập úng, cải tạo và xử lý ô nhiễm sông Nhuệ trên địa bàn Tỉnh.
6	Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao Bình An.
7	Xây dựng hệ thống truyền tải điện và các trạm 110KV: Đồng Văn II, Thanh Nghị, Cầu Giát và các khu công nghiệp mới.
8	Xây dựng tổng đài và trạm phát sóng thông tin di động toàn tỉnh; hệ thống truyền dẫn cáp quang.
B	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
1	Xây dựng tuyến đường bộ Hà Nam - Thái Bình và cầu Thái Hà vượt sông Hồng.
2	Xây dựng các đường cứu hộ, cứu nạn phòng chống lụt bão: Thanh Nguyên - Thanh Nghị, nối 492 - 499 - đê sông Hồng; Chợ Chanh - đê sông Hồng; dốc Lưu - Chợ Quán; đường Phú Đông; đường cứu hộ và phòng chống lụt bão Yên Bắc - đê sông Hồng huyện Duy Tiên; đường cứu hộ các xã: Chân Lý, Tiến Thắng huyện Lý Nhân.
3	- Xây dựng các tuyến đường vành đai kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh: Tuyến T1, T2, T3, vành đai Đông - Nam tỉnh, đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 và các tuyến đường tỉnh: ĐT 496 , ĐT 495B, ĐT 971, ĐT 493, ĐT 494, ĐT 492 (Vĩnh Trụ - quốc lộ 38), cầu Họ - Châu Giang, cầu Tân Lang qua sông Đáy, đường khu căn cứ hậu cần tỉnh. - Dự án đường giao thông: Đường khu du lịch tâm linh đền Trần (nối Nam Định với Trần Thương), đường nối khu du lịch Tam Trúc - Ba Sao với Bái Đính - Ninh Bình.
4	Khu đô thị Đại học Hà Nam.

TT	Tên dự án
5	Nâng cấp hệ thông đê điều: Sông Hồng, sông Đáy, sông Châu bao gồm nâng cấp đê, kè và kết hợp hệ thống giao thông các tuyến sông.
6	Di dân tái định cư chống sạt lở các xã miền núi huyện Kim Bảng, Thanh Liêm và vùng đê bối sông Hồng huyện Lý Nhân, huyện Duy Tiên.
7	Các dự án kiên cố hóa hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh: Dự án nạo vét sông Đáy, sông Châu Giang, sông Nhuệ và các kênh tiêu thuộc hệ thống sông Châu Giang, sông Nhuệ; xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy.
8	Dự án cung cấp nước sạch cho nông thôn vùng bị nhiễm Asen lưu vực sông Nhuệ - Đáy và ven sông Hồng.
9	Xây dựng cảng sông Như Trác, Yên Lệnh (sông Hồng) và cảng sông Đáy.
10	Xây dựng cống và âu thuyền Vĩnh Trụ, Quan Trung (sông Châu Giang).
11	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh 700 giường.
12	Xây dựng trường Đại học đa ngành Hà Nam (trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm tỉnh); nâng cấp xây dựng trường Cao đẳng Nghề Hà Nam là trường trọng điểm nghề; xây dựng nhà ở xã hội và ký túc xá sinh viên các trường đại học, cao đẳng.
13	Xây dựng hạ tầng khu du lịch Tam Chúc - Ba Sao.
14	Xây dựng trung tâm giống cây trồng chăn nuôi và khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.
15	Xây dựng trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người có công tỉnh Hà Nam.
16	Dự án trung tâm huấn luyện Công an tỉnh; Trung tâm huấn luyện chiến đấu - Ban Chỉ huy quân sự tỉnh.
17	Xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp: Hòa Mạc, Thanh Liêm, Liêm Phong, ASENDAT, ITAHAN…
18	Nâng cấp hệ thông giao thông Nam thành phố Phủ Lý & Khu đô thị Bắc Châu Giang.
19	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông nông thôn.
20	Cải tạo, nâng cấp nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Phủ Lý, xây dựng dự án xử lý rác thải các thị trấn, làng nghề & xử lý nước thải các khu công nghiệp, làng nghề, bệnh viện…
21	Kiên cố hóa trường, lớp học; tăng cường cơ sở vật chất các trường: Cao đẳng sư phạm, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Nghề, trung tâm giới thiệu việc làm và dạy nghề tỉnh và các huyện; Trường Chính trị tỉnh.
22	Xây dựng khu Trung tâm Hành chính tỉnh Bắc Châu Giang.
23	Xây dựng Trung tâm Hành chính huyện Thanh Liêm, khu Trung tâm Hành chính huyện Duy Tiên, khu Trung tâm Hành chính và hạ tầng thị xã Duy Hà.

TT	Tên dự án
24	Xây dựng trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm cấp vùng.
25	Tu bổ, tôn tạo Đền Trần Thương, Đền thờ các cô gái Lam Hạ và các liệt sỹ tỉnh, Đền thờ liệt sỹ Núi Chùa - Thanh Liêm, Chùa Đọi Sơn, Đền Lảnh Giang, chùa Tiên, Khu Ngũ Động Thi Sơn - Núi Cấm, Chùa Bà Đanh, Khu tưởng niệm Bác Hồ Cát tường Bình Lục và các di tích lịch sử văn hóa.
26	Xây dựng các Bệnh viện: Sản - Nhi, Mắt, Y học cổ truyền, Phong - Da Liễu, nâng cao năng lực các trung tâm y tế dự phòng cấp tỉnh, huyện.
27	Xây dựng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh và trạm phát sóng truyền hình khu vực; nâng cao năng lực các cơ quan báo Hà Nam, Hội Văn học nghệ thuật; Liên hiệp Hội khoa học và kỹ thuật Tỉnh.
28	Xây dựng Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện và khu vực; xây dựng các xã chuẩn Quốc gia về y tế.
29	Dự án đầu tư hạ tầng: Khu du lịch vườn hiện thực Nam Cao, Từ đường Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến.
30	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh và đường huyện.
31	Nâng cấp các trung tâm y tế tuyến tỉnh: VSAT thực phẩm; Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; kiểm nghiệm dược và hóa mỹ phẩm; chăm sóc sức khoẻ sinh sản và Kế hoạch hóa gia đình; truyền thông sức khỏe; Pháp y.
32	Dự án đầu tư Đài hóa thân hoàn vũ và nghĩa trang Tỉnh.
33	Xây dựng khu vui chơi giải trí Thành phố Phủ Lý.
34	Nâng cấp các trường THPT toàn tỉnh.
35	Xây dựng khu sinh thái Lam Hạ - Phủ Lý.
C	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ**
1	Xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp: Hòa Mạc, Liêm Cần - Thanh Bình, Tây Nam Thành phố Phủ Lý, Châu Sơn giai đoạn II, Đồng Văn giai đoạn III, ITAHAN giai đoạn II, Thanh Liêm giai đoạn II, Liêm Phong giai đoạn II.
2	Xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các huyện, thành phố; xây dựng các cảng ICD cấp vùng: Đồng Văn, Thanh Liêm.
3	Xây dựng hạ tầng các khu đô thị thành phố Phủ Lý và một số thị trấn các huyện (khoảng 4.000 ha).
4	Xây dựng thành phố truyền thông và các khu công nghệ cao ở Đọi Sơn Duy Tiên; Chuỗi đô thị Đồng Văn - Hòa Mạc - thành phố ven sông Hồng.
5	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng ở hồ Tam Chúc - Ba Sao; hồ Ba Hang; du lịch tuyến sông Hồng, sông Châu.
6	Nhà máy bia - nước giải khát 100 Triệu lít/năm.

TT	Tên dự án
7	Các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hậu xi măng có công nghệ tiên tiến.
8	Các dự án hậu cần đường sông tại Phủ Lý, Duy Tiên, Lý Nhân.
9	Các dự án chế biến thịt gia súc, gia cầm, chế biến rau, quả tại các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Kim Bảng, Duy Tiên.
10	Phát triển chăn nuôi trang trại tại 5 huyện; sản xuất phân vi sinh từ rơm rạ
11	Xây dựng chợ đầu mối nông sản tại Bình Lục, Lý Nhân, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm.
12	Xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị tại thành phố Phủ Lý, Thị xã Duy Hà, các thị trấn Vĩnh Trụ - Lý Nhân, Quế - Kim Bảng, Bình Mỹ - Bình Lục, Đọi Sơn - Duy Tiên, Đạt Hưng - Thanh Liêm…
13	Xây dựng khu du lịch Chùa Tiên - Thanh Liêm, núi Nguyệt Hằng - Bình Lục
14	Nhà máy nước Bắc sông Hồng 100.000 m^3/ngày đêm
15	Các dự án đầu tư ưu tiên trong và ngoài khu công nghiệp thuộc các lĩnh vực: Công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ cao, sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông sản thực phẩm, khách sạn, cơ sở nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật cao…
16	Cải tạo nâng cấp đường sắt nội vùng & các ga: Đồng Văn, Phủ Lý, Bình Lục, Cầu Họ, Thanh Châu.

Ghi chú: Về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 - 080.44597
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng